

## PHÂN TÍCH VÀ ỨNG DỤNG CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC “XUYÊN BIÊN GIỚI” CỦA ÚC VÀ SINGAPORE VÀO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

NCS Hồ Vũ Khuê Ngọc

*Đại học Đà Nẵng*

### 1. Tổng quan

Giáo dục đại học “xuyên biên giới” là một trong những kết quả trực tiếp của toàn cầu hóa trong giáo dục đại học (dưới đây gọi tắt là GD-ĐH). Thuật ngữ này được đề cập trong các tài liệu khác như là GD-ĐH “vượt phạm vi quốc gia”, GD-ĐH “không biên giới” hay “đánh bắt xa bờ”. Theo cuốn sách “Giáo dục Đại học “xuyên biên giới”” phát hành bởi OECD/Ngân hàng Thế giới 2007, GD-ĐH “xuyên biên giới” được hiểu là “sự thay đổi về con người, về chương trình, nhà cung cấp, chương trình đào tạo, dự án, nghiên cứu và dịch vụ đào tạo trong nền giáo dục đại học hay cao đẳng vượt qua phạm vi lãnh thổ quốc gia”. (p.11).

Trong suốt 2 thập kỷ qua, GD-ĐH “xuyên biên giới” đã ngày càng trở nên phổ biến và thu hút sự quan tâm của xã hội. Các trường đại học trên thế giới đang cố gắng tạo ra các khóa học tốt nhất và giới thiệu nhiều hình thức đào tạo mới để thu hút sinh viên quốc tế. Thêm vào đó, nhờ vào sự tăng trưởng kinh tế của nhiều nước đang phát triển và chi phí đi lại bằng đường hàng không trở nên rẻ hơn, nhiều phụ huynh thuộc tầng lớp trung lưu đã cố gắng gửi con cái sang du học tại các trường đại học nước ngoài (theo OECD, 2007; Wagner & Schnitzer 1991). Phần lớn những phụ huynh này hoàn toàn không tin tưởng vào chất lượng đào tạo của nền GD-ĐH nước nhà. Một điều chắc chắn rằng, chất lượng đào tạo như thế sẽ không đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong nền kinh tế tri thức. Trong khi đó, những sinh viên được đào tạo ở nước ngoài, khi trở về nước, ngoài việc có được cuộc sống ổn định với công việc tốt, họ sẽ đóng góp rất lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Phải nói thẳng thắn rằng, trong khi các quốc gia xuất khẩu GD-ĐH cạnh tranh để thu hút sinh viên nước ngoài vì lợi nhuận, các quốc gia nhập khẩu GD-ĐH có thể nâng cao tầm nhìn quốc tế, đạt được sự chuyển giao tri thức và tăng trưởng kinh tế nếu xem việc nhập khẩu GD-ĐH “xuyên biên giới” như là một chiến lược xây dựng nội lực quốc gia. Những gì mà tất cả các quốc gia cần làm là xây dựng các chính sách rõ ràng về vấn đề GD-ĐH “xuyên biên giới” phù hợp với mục tiêu và điều kiện của quốc gia đó.

Xuất phát từ nhận định rằng cần phải hiểu một cách đúng đắn về giáo dục đại học “xuyên biên giới” và việc xây dựng một chính sách hợp lý cho lĩnh vực này sẽ mang lại lợi ích rất lớn cho các quốc gia đã phát triển hoặc đang phát triển, bài báo đã tiến hành khảo sát tình hình giáo dục xuyên biên giới của Úc, Singapore và Việt Nam. Việc chọn lựa ba quốc gia này dựa trên cơ sở đây là các quốc gia đại diện cho ba nền giáo dục được cho là thành công: nền giáo dục phương Tây, nền giáo dục Châu Á và nền giáo dục của một quốc gia đang phát triển. Trọng tâm vấn đề là tìm hiểu đường lối và chính sách của Úc và Singapore về giáo dục đại học “xuyên biên giới”, và việc vận dụng vào bối cảnh Việt Nam.

## **2. Thực trạng**

### **Úc**

Theo số liệu thống kê về xuất khẩu giáo dục Úc (trang web [www.idp.com](http://www.idp.com)), từ tháng Giêng đến tháng Chín năm 2003, việc xuất khẩu của ngành giáo dục đã mang lại 4,28 triệu Đôla Úc cho quốc gia này, cao hơn cả ngành thực phẩm và giao thông. Năm 2005, giáo dục đã trở thành ngành xuất khẩu dịch vụ cao đứng thứ 3 của Úc. Trong năm học 2002-2003, Việt Nam đứng thứ 19 trong số 50 quốc gia có sinh viên đang theo học đại học tại các trường Đại học của Úc (<http://www.studyinaustralia.gov.au>). Bên cạnh việc tạo ra môi trường an toàn, đa văn hóa, hạn chế tội phạm, bình ổn chính trị, Úc luôn đề cao trách nhiệm đối với đời sống và học tập của sinh viên quốc tế tại Úc. Đặc biệt, Úc coi GD-ĐH “xuyên biên giới” như là ngành chính tạo ra tổng thu nhập quốc gia, coi sinh viên quốc tế là khách hàng lớn - là Thượng đế của ngành kinh doanh giáo dục.

Với định hướng ngành giáo dục làm tăng thêm tổng thu nhập quốc dân, Úc đã khuyến khích việc đầu tư vào hệ thống GD-ĐH vì mục tiêu thương mại trực tiếp. Tại Úc, một trong những sứ mệnh then chốt của quốc gia này là xây dựng nên một ngành xuất khẩu trong lĩnh vực giáo dục. Chính phủ Úc đã ban hành nhiều chính sách cụ thể để thực thi sứ mệnh này, chẳng hạn như những quy định mới về các chương trình marketing, về tài chính dành cho các trường đại học, các chính sách thuận lợi về nhập cư và cấp visa (Marginson, 2002). Từ năm 1985 đến 1988, Úc đã cho thành lập các trung tâm phát triển giáo dục, trung tâm hỗ trợ sinh viên thuộc Đại sứ Quán Úc tại 38 quốc gia. Từ 1990, Úc đã đưa ra nhiều chương trình giáo dục theo kiểu “đánh bắt xa bờ” rất thành công ở Trung Quốc, Malaysia, Singapore và hiện nay là ở Ấn Độ và Việt Nam. Thêm vào đó, nhằm đảm bảo cho sinh viên quốc tế luôn nhận được các chương trình đào tạo hấp dẫn hay những khóa học tốt, từ năm 1990, Úc đã thiết lập nên các công cụ đo lường nhằm đánh giá và duy trì chất lượng đào tạo như Trung tâm Đánh giá Chất lượng Giáo dục đại học

Úc (AUQA), Quy định về Chất lượng Đào tạo Úc 2007 (AQTF) hay Hệ thống Tiêu chuẩn Quốc gia 2007. Các tiêu chí do những công cụ trên đưa ra nhằm vào mục tiêu giúp các trường đại học Úc đạt được các tiêu chuẩn về chất lượng cao thông qua việc xây dựng các khung chương trình đào tạo, tiêu chuẩn chuyên môn của các khoa, cơ sở vật chất, v.v. Theo xếp loại các trường đại học toàn cầu THES -QS năm 2007 tại bản phụ trương về GD-ĐH của Tờ Tạp chí Times ấn hành ngày 8/11/2007 ([www.thes.co.uk](http://www.thes.co.uk)), Úc có 6 trường đại học nằm trong Top 50 hàng đầu thế giới. Nếu xếp loại từ 100 đến 200 trường đại học hàng đầu thế giới, thì Úc là quốc gia đứng vị trí 2, chỉ sau Hoa Kỳ (<http://www.topcác trường đại học.com/register.php>).

### **Singapore**

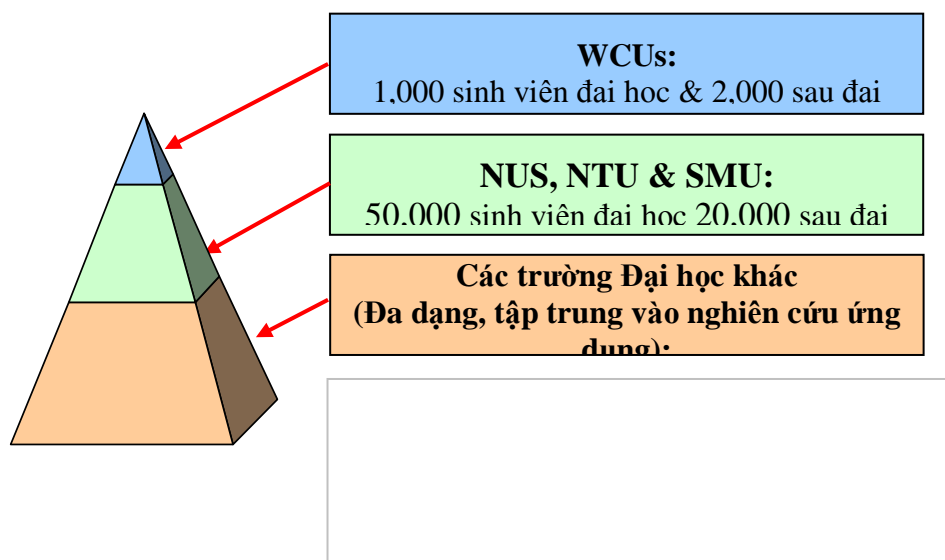
Theo bài báo được viết bởi A.Mani đăng trên Tạp chí Straits Times ngày 22/9/2002, thu nhập từ ngành GD-ĐH quốc gia chiếm 1,9% tổng Thu nhập Quốc nội GDP của Singapore năm 2002. Dự kiến con số này sẽ là 5% vào năm 2012. Singapore là điểm đến ưa thích nhất của sinh viên Châu Á. Do nhiều bậc phụ huynh lo ngại rằng khi gửi con cái của họ sang du học tại các nước Phương Tây, chúng dễ bị ảnh hưởng bởi tác động tiêu cực của nền văn hóa hiện đại cởi mở của Phương Tây, như nước Úc chẳng hạn. Và điều này là hoàn toàn dễ hiểu khi học tập tại Singapore, sinh viên sẽ ít gặp phải những cú sốc do văn hóa khác biệt gây ra hơn là ở các quốc gia Phương Tây. Thêm vào đó, đối với các sinh viên Châu Á nói chung và sinh viên Việt Nam nói riêng, học tập tại Singapore có lợi thế là học phí và chi phí ăn ở thấp hơn nhưng chất lượng đào tạo vẫn cao. Có thể nói, để trở thành một trung tâm học thuật lớn và nổi bật như hiện nay, Singapore đã tận dụng và phối hợp tốt 2 quan điểm về giáo dục: đó là xây dựng nội lực quốc gia và khả năng sinh lời từ hệ thống giáo dục.

Trước hết, từ năm 1998 đến 2008, Singapore đã nỗ lực nâng tầm quốc gia bằng cách thu hút ít nhất 10 trường đại học tiên tiến trên thế giới thành lập giảng đường tại Singapore. Trong số các trường đại học đó, có Viện Công nghệ Massachusetts (MIT), Đại học Johns Hopkins, và Viện Công nghệ Georgia, v.v. Tất cả các trường đại học này hiện rất thành công trên đất Singapore. Tuy nhiên, gần đây, vào tháng 8/2007 Đại học New South Wales (UNSW) cũng đã đóng cửa giảng đường của mình tại Singapore sau gần 3 tháng hoạt động. Nguyên nhân là do số sinh viên thực tế nhập học vào trường thấp hơn so với chỉ tiêu tuyển sinh (theo [channelnewsasia.com](http://channelnewsasia.com), 23/5/2007) dẫn đến thua lỗ. Điều này khiến chúng ta cần phải đánh giá lại chiến lược thu hút đầu tư của các trường đại học nước ngoài tại Singapore. Đây được xem là một bài học có giá trị đáng kể đối với thực trạng Việt Nam.

Đối với các khoa chuyên ngành, 80% giảng viên tại Đại học Quốc gia Singapore (NUS) và Đại học Kỹ Thuật Nanyang (NTU) tốt nghiệp tiến sĩ từ các trường đại học danh tiếng trên thế giới như Đại học Oxford, Cambridge, Harvard, MIT, Yale, and New South Wales v.v... Về khung chương trình đào tạo và bài giảng, từ năm 1965, Singapore đã quyết định sử dụng Tiếng Anh trong toàn hệ thống giáo dục ngay cả áp dụng hệ thống cấp-O và cấp-A của Đại học Cambridge và Đại học London University để đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Thêm vào đó, trong niên học 2003-2004, NUS và NTU đã áp dụng SAT (bài kiểm tra đầu vào dành cho sinh viên tại các trường đại học Mỹ) để tuyển sinh đầu vào.

Thứ hai, để thu hút các sinh viên tài năng sang du học tại các trường đại học Singapore, chính phủ đã tài trợ rộng rãi thông qua hàng loạt các chương trình học bổng dành cho sinh viên quốc tế. Các chương trình học bổng này bao gồm miễn giảm học phí, tín dụng học tập, học bổng bán phần hay học bổng toàn phần. Ví dụ, chương trình miễn giảm học phí được điều hành bởi Bộ Giáo dục (MOE) trợ cấp đến 80% học phí cho tất cả các sinh viên trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng của Singapore. 20% còn lại và các chi phí khác sẽ được trợ cấp thông qua các chương trình học bổng nhà trường do chính trường đại học đó tài trợ. Đổi lại, sinh viên sẽ ký với chính phủ một thỏa thuận rằng sẽ làm việc cho một công ty của Singapore trong thời hạn 3 năm cho đến khi hoàn tất chương trình học của mình. Hơn nữa, tại NUS, sinh viên quốc tế bậc đại học được khuyến khích làm việc bán thời gian như là phụ đạo sinh viên bậc đại học hay các chương trình nghiên cứu khoa học của sinh viên. Gần đây, đối với sinh viên quốc tế đang theo học tại 3 trường đại học công lập quốc gia tại Singapore, chính phủ sẽ kéo dài thời hạn trả tín dụng vay học tập lên đến 12 năm. Thêm vào đó, những sinh viên này có thể xin định cư lâu dài tại Singapore ngay khi họ đang còn học năm cuối tại các trường đại học. Chính sách này nhằm khuyến khích đội ngũ sinh viên quốc tế có năng lực tìm kiếm việc làm và định cư tại Singapore sau khi tốt nghiệp. Với cách này, những sinh viên có năng lực nhưng hạn chế về tài chính được khuyến khích đến học tập và sau đó làm việc tại Singapore, sẽ giúp nâng tầm quốc gia này lên cao hơn nữa. (<http://www.singaporedu.gov.sg>). Tuy nhiên, Singapore ngày nay được nhiều người biết đến không những là một quốc gia nhập khẩu giáo dục mà còn là một quốc gia nổi tiếng về xuất khẩu GD-ĐH (OECD, 2007; McBurnie & Ziguras, 2001). Vào năm 2001, chính phủ Singapore chính thức khởi động ngành xuất khẩu GD-ĐH sang các nước khác. Ngày càng nhiều trường đại học Singapore được thành lập tại Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Hàn Quốc, Malaysia và Việt Nam. Đây là 6 thị trường nhập khẩu GD-ĐH lớn

nhất của Singapore. Thêm vào đó, hiện có rất nhiều trường đại học tư nhân được thành lập trong phạm vi lãnh thổ Singapore nhằm thu hút sinh viên quốc tế. Theo Ban Phát triển Kinh tế Singapore (EDB), hiện có 80.000 sinh viên quốc tế đang theo học tại Singapore; dự kiến đến năm 2015 con số này sẽ là 150.000. Dữ liệu này được minh họa ở tầng thứ 3 trong biểu đồ hình khối cấu trúc GD-ĐH (xem hình 1 dưới đây). Mục đích của việc ra đời các trường đại học tư nhân tại Singapore là nhằm thu hút sinh viên tự túc về tài chính. Đặc biệt là những sinh viên nước ngoài mong muốn đến Singapore học tập, mà không trúng tuyển được vào các trường NUS, NTU hay SMU. Về mặt lý thuyết, điều này được lý giải rằng các khoản chi phí mà sinh viên tự trang trải cho việc học tại đây là nguồn thu xuất khẩu giáo dục của Singapore. Kết quả là, chiến lược này đã khiến Singapore không has been able to make itself not only a country which “rất nổi tiếng ở tầm quốc tế về chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực” (Mani: 2005, 129) mà còn là một quốc gia coi giáo dục như là một ngành kinh doanh đóng góp một cách đáng kể vào phát triển kinh tế quốc gia.



**Hình 1: Hệ thống giáo dục Đại học ở Singapore (theo A. Mani, 2005)**

### **Việt Nam**

Việt Nam là quốc gia đang nổi lên với dân số 84.222.000 người; trong đó có 65% dân số có độ tuổi dưới 30 (World Bank, 15/9/2007). Nhờ vào cuộc cải cách theo định hướng kinh tế thị trường và tiếp nhận một cách đáng kể các nguồn vốn đầu tư FDI và ODA, Việt Nam được xem như là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh

tế nhanh nhất thế giới. (theo Báo cáo của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng GDP 8.0% năm 2006).

Đáng tiếc, hệ thống GD-ĐH Việt Nam hiện nay đang bị tụt hậu so với nhu cầu của xã hội cả về chất lẫn về lượng. Trước hết, xét về mặt số lượng, con số thí sinh tham gia thi vào 328 trường đại học trên toàn quốc đã gia tăng một cách đáng kể (ví dụ trong năm học 2007-2008 vừa qua, trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Nông nghiệp 1 tăng 45%, Trường Đại học Y Khoa Thái Bình tăng 71%, Trường Đại học Y Hà Nội tăng 96%, và đặc biệt là trường Đại học Y Khoa Hải Phòng tăng 300% (Theo Thống kê MOET - <http://www.edu.net.vn/Data/ThongKe/index.htm>). Sự gia tăng này đã khiến cho kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học có tính cạnh tranh gay gắt. Thực trạng này khiến cho thí sinh, bậc phụ huynh, nhà giáo dục và toàn xã hội gánh chịu áp lực lớn. Thứ hai, xét về mặt chất lượng, ngoại trừ một vài chuyên ngành thuộc khối khoa học tự nhiên, các trường đại học Việt Nam không thể đào tạo ra nguồn lao động đáp ứng được đòi hỏi khắc khe của nền kinh tế tri thức năng động. Sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học Việt Nam nhìn chung không thể đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Khi nhận thấy có nhiều bất cập trong hệ thống GD-ĐH, Chính phủ Việt Nam và Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) đã thực hiện nhiều cải cách mà hầu hết những cải cách đều thất bại ngay sau khi thử nghiệm. Do đó, làm thế nào để cải thiện hệ thống GD-ĐH Việt Nam đòi hỏi một nỗ lực lớn trong một thời gian dài nhằm đánh giá khách quan về thực trạng của nền giáo dục nước nhà, kể cả năng lực và lòng quyết tâm mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam, MOET cũng như những nhà xây dựng chính sách.

Tuy nhiên, trong phạm vi bài báo này, sau khi mô tả những bất cập của hệ thống GD-ĐH Việt Nam, tôi mong muốn được tiếp cận vấn đề này trên phương diện quốc tế. Trong những năm gần đây, có một lượng lớn sinh viên Việt Nam du học tại các trường đại học nước ngoài. Con số này tăng mạnh qua từng năm. Hiện tại, Việt Nam được xếp thứ 5 sau Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, và Malaysia - là những nước có sinh viên đang du học tại Nhật Bản. Trong khi, Nhật Bản hiện là quốc gia đứng thứ 19 trong số 50 quốc gia có sinh viên du học tại Úc và là quốc gia đứng thứ 20 ở Mỹ (*Open doors 2007, IIE*). Việc gửi du học sinh ra nước ngoài học tập sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam trong việc phát triển hệ thống GD-ĐH và giúp xây dựng nội lực quốc gia về sau. Theo lập luận của tôi, Việt Nam nên phát triển ngay một chính sách rõ ràng và thích đáng về GD-ĐH “xuyên quốc gia” sang các quốc gia khác, đặc biệt là những quốc gia đang nhập khẩu GD-ĐH từ Úc và Singapore như đã trình bày trên đây. Các phần dưới đây của bài

báo này sẽ trình bày 2 nội dung nổi bật liên quan đến các quan điểm tiêu cực về GD-ĐH “xuyên biên giới” tại Việt Nam và đưa ra một vài đề nghị làm thế nào để xóa bỏ những quan điểm đó. Vấn đề chính là liệu các trường đại học Việt Nam có những suy nghĩ cởi mở và cầu tiến về GD - ĐH “xuyên biên giới” và thực thi vai trò tích cực trong hợp tác với các trường đại học nước ngoài nhằm giải quyết một cách đáng kể các vấn đề về chất lượng và số lượng trong đào tạo giáo dục đại học tại Việt Nam. Để giúp nắm bắt các cơ hội hợp tác này thì đâu là những rào cản đối với các trường đại học Việt Nam hiện nay?

### **3. Chảy máu chất xám chuyển thành luân chuyển chất xám**

Lực lượng chảy máu chất xám xảy ra tại Việt Nam vào những năm thập niên 1980 và 1990 chủ yếu là các chuyên gia ở độ tuổi trung niên, là những người không thể cống hiến tốt với chuyên môn của mình bởi sự nghèo nàn của quốc gia và cơ chế chính trị - xã hội chứng nhắc của đất nước. Điều này được phê phán một cách mạnh mẽ và rộng rãi trong văn học (đặc biệt là trong các mẫu truyện ngắn) rằng Chính phủ Việt Nam đã cố gắng kiểm soát các hoạt động học thuật, chính trị và ngay cả các hoạt động hàng ngày của lực lượng tinh hoa này gần như là ngăn chặn họ chỉ quanh quẩn trong nước. Bởi, nếu những hoạt động của họ nằm ngoài tầm kiểm soát của chính phủ thì họ bị coi là quay lưng lại với tổ quốc. Ngay cả Chính phủ cũng không mặn mà trong việc kêu gọi hay động viên họ trở về Việt Nam. Và với quá khứ của họ, họ đã không trở về bởi những thành kiến mang tính xã hội hay vì lý do điều kiện đất nước không thể đáp ứng được các nhu cầu về môi trường làm việc và nhu cầu cho cuộc sống.

Tuy nhiên, đây không phải là trường hợp đối với việc chảy máu chất xám của đội ngũ nhân tài thuộc thế hệ trẻ hiện nay. Dưới ảnh hưởng của toàn cầu hóa, thế hệ trẻ Việt Nam, những chuyên gia và sinh viên tài năng, dĩ nhiên, bằng cách này hay cách khác có thể ra nước ngoài để học tập. Họ du học thông qua các chương trình học bổng toàn phần, học bổng bán phần và ngay cả vay tín dụng học tập dành cho sinh viên, ví dụ các chương trình của chính phủ Úc và Singapore, như trình bày ở phần trên. Do đó, vấn đề mà chính phủ cũng như các trường đại học Việt Nam đang gặp không phải là việc chảy máu chất xám mà là làm thế nào để thu hút nhân tài về nước.

Việc học hỏi các chính sách tăng cường nội lực quốc gia của Singapore, Trung Quốc, Hàn Quốc và Ấn Độ bằng việc phát triển GD - ĐH “xuyên biên giới” và vận dụng vào thực trạng Việt Nam mới là một trong những giải pháp. Singapore khuyến khích thanh niên ra nước ngoài học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm và trở về quê hương để “tìm kiếm tương lai”, giúp đất nước nâng cao năng lực cạnh tranh. Trường hợp của Trung Quốc, một quốc gia rất gần với Việt Nam về văn hóa, cũng là một ví dụ điển hình. Nền

kinh tế Trung Quốc đang bùng nổ, nhưng vào những năm thập niên 1980, chính sách GD-ĐH “xuyên biên giới” đối với Trung Quốc bị coi là một thảm họa, bởi thực tế hầu hết sinh viên sau khi hoàn tất chương trình học đều ở lại nước ngoài. Tuy nhiên, Trung Quốc đã có thể thoát khỏi hiện tượng chảy máu chất xám bởi họ đã thực hiện một cách nghiêm túc các giải pháp nhằm thu hút chất xám trở về. Trung Quốc đã đưa ra nhiều điều kiện thuận lợi cho “những con rùa biển” (một thuật ngữ ám chỉ đến những sinh viên Trung Quốc đang du học tại nước ngoài) trở về quê hương thành lập các công ty riêng. Gần đây, Chính phủ Trung Quốc tiết lộ rằng 98% sinh viên Trung Quốc học tập tại nước ngoài đã trở về quê hương và thành lập hơn 100.000 công ty, sử dụng kinh nghiệm và các kỹ năng đã tích lũy từ nước ngoài để phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước (Li, 2005). Tại Hàn Quốc, Chính phủ đưa ra mức lương cao, điều kiện ăn tốt và miễn chi phí học tập cho con cái, thậm chí cấp học bổng để thu hút nhân tài trở về quê hương. Ấn Độ áp dụng chính sách cam kết, yêu cầu sinh viên hoàn trả toàn bộ chi phí đào tạo nếu họ không về nước sau khi hoàn tất chương trình học ở nước ngoài.

Vừa qua, có sáu trí thức Việt Nam\* hiện đang sống và làm việc tại Hoa Kỳ, Pháp, Nhật và Úc đã xây dựng một đề án với các chương trình hành động nhằm bước đầu kêu gọi lực lượng nhân tài Việt Nam từ nước ngoài trở về quê hương. Theo đề án này, Chính phủ và các trường đại học Việt Nam nên tập trung các chính sách mời gọi các giáo sư Việt Nam tại các trường đại học nước ngoài hiện đã về hưu trở về quê hương, động viên các giáo sư Việt Nam hiện đang công tác ở nước ngoài về Việt Nam thỉnh giảng tại các trường đại học trong khoảng thời gian 3 hoặc 6 tháng, và những sinh viên sau khi tốt nghiệp tiến sĩ, sau tiến sĩ trở về để cống hiến cho quê hương.

Theo cách này, các giáo sư được xem như là những người đóng góp vào công cuộc phát triển của đất nước vừa có dịp về thăm quê nhà vừa để cống hiến cho đất nước đang trông chờ ở họ. Ngoài ra, thực tế họ là những người có tinh thần yêu nước cao, có nhân cách và giá trị là nguồn lực rất lớn. Có thể nói rằng, đại đa số trí thức Việt Nam hiện đang sống ở nước ngoài luôn mong muốn làm được một điều gì đó giúp đỡ đất nước phát triển nền kinh tế và nâng cao vị trí trên đấu trường quốc tế (Nguyen Van Tuan, 2007).

---

\* (\*) Họ là GS. Hồ Tú Bảo – Giáo sư Công nghệ Thông tin, Viện Khoa học & Công nghệ Cao cấp Nhật Bản; GS. Trần Nam Bình – Giáo sư kinh tế học, Đại học New South Wales, Úc; GS. Trần Hữu Dũng – Giáo sư Kinh tế học, Đại học Wright State, Hoa Kỳ; GS. Trần Văn Thọ - Giáo sư Kinh tế học, Đại học Waseda, Nhật Bản; GS. Hà Dương Tường – Giáo sư Toán học, Đại học Công nghệ Compiègne, Pháp, và GS. Vũ Quang Việt - Phụ trách Số liệu Quốc gia thuộc Ban Thống kê Liên hợp quốc.



Sáu giáo sư đề cập ở trên là một ví dụ. Một lần nữa, **it is argued in this paper that** thay vì tốn nhiều thời gian vào những kế hoạch không khả thi trong việc đào tạo nguồn nhân lực, Chính phủ và Bộ Giáo dục & Đào tạo Việt Nam nên tập trung vào các chính sách GD-ĐH “xuyên biên giới” được thực hiện trực tiếp thông qua việc đề nghị sự giúp đỡ từ chính các trí thức Việt Nam ở nước ngoài. Nên có một danh sách các giáo sư kèm theo ngành nghề và địa chỉ liên lạc. Tiếp đến, Chính phủ và MOET nên nghĩ ra cách làm thế nào để tiếp cận lực lượng trí thức này cũng như những điều kiện ưu đãi nào cần được đưa ra (quan tâm đầu tiên ở đây không nhất thiết là vấn đề liên quan đến tiền bạc). Tôi chắc chắn tin tưởng rằng những mặt mạnh mà những trí thức Việt Nam ở hải ngoại có được sẽ là một trong những đòn bẩy giúp nâng cao vị thế hiện nay của hệ thống GD - ĐH Việt Nam.

#### **4. Các vấn đề quản lý khi nảy sinh cơ hội**

Vấn đề thứ hai đó là Việt Nam cần cân nhắc khi xây dựng các chính sách về GD - ĐH “xuyên biên giới” nhằm thay đổi quan điểm và thái độ của các nhà quản lý các trường trung học và đại học về GD - ĐH “xuyên biên giới”. Từ quan sát và kinh nghiệm cá nhân tôi là một giảng viên đại học đã từng giúp đỡ nhiều sinh viên ra nước ngoài học tập, tôi hiểu những nhà quản lý đại học và trung học Việt Nam hiện nay đã có một thái độ rất tiêu cực về GD - ĐH “xuyên biên giới”. Họ thực sự gây khó khăn cho sinh viên khi đề nghị cấp bản học bạ hay hồ sơ học tập để chuyển đổi tín chỉ môn học sang một trường đại học nước ngoài.

Nhiều vị quản lý ở cấp cao không muốn viết thư giới thiệu cho sinh viên hiện đang học tại trường mình với mong muốn được chuyển tiếp sang học tại một trường nước ngoài. Lý do bào chữa cho cách ứng xử đó của họ là bởi những vấn đề về quản lý hành chính như là làm giảm quy mô lớp, làm giảm nguồn thu học phí và gây ra những tác động không tốt cho những sinh viên khác. Đây thật là ích kỷ và cách nghĩ thiển cận khi nhận thức về quan điểm GD - ĐH “xuyên biên giới” tại Việt Nam.

Bài báo đề nghị các trường đại học và trung học tại Việt Nam nên đảm nhận một vai trò tích cực trong việc gửi sinh viên của mình đi du học. Các trường đại học nước ngoài được khuyến khích tuyển sinh Việt Nam, nhưng việc tuyển sinh phải được thực hiện một cách có tổ chức, tốt nhất là thông qua việc hợp tác với các trường đại học Việt Nam. Hai đối tác có thể thiết kế và thực hiện các chương trình hợp tác chẳng hạn như chương trình tín nhiệm (đối tác Việt Nam thực hiện việc giảng dạy trên danh nghĩa của phía nước ngoài, đối tác nước ngoài thiết kế khung chương trình đào tạo, bài giảng, bài kiểm tra, và cấp bằng); chương trình liên kết và chương trình chuyển tiếp (sinh viên tích

lũy tín chỉ tại Việt Nam và có thể chuyển tiếp sang học tại trường nước ngoài để hoàn tất chương trình học và cấp bằng). Theo cách này, các trường đại học Việt Nam có thể lên kế hoạch và làm việc tích cực trên cơ sở hợp tác, thực hiện các chương trình GD - ĐH “xuyên biên giới” như là một phần trong chuỗi hoạt động giáo dục của mình, tiệm cận gần hơn các tiêu chuẩn về GD - ĐH của khu vực và toàn cầu, và cuối cùng là mở rộng tầm nhìn quốc tế. Ngoài ra, lợi ích kinh tế mà các trường đại học Việt Nam có được từ các chương trình này là không nhỏ.

Một phương diện khác của hợp tác là áp dụng đường lối tiếp cận cách xây dựng nội lực của Singapore thông qua GD - ĐH “xuyên biên giới” được thảo luận trong phần trước của bài báo. Việt Nam nên kêu gọi và tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các trường đại học nước ngoài xây dựng giảng đường đại học tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong thực trạng Việt Nam hiện nay, đang có một chính sách không rõ ràng về GD - ĐH “xuyên biên giới”; cũng như cần phải có một chính sách cụ thể nhằm quan tâm nhiều hơn nữa để đảm bảo cho sự thành công khi các trường đại học nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Cần tìm hiểu kỹ những nguyên nhân dẫn đến đóng cửa giảng đường đại học UNSW tại Singapore như trình bày ở phần trên cũng như sự thất bại của Trung tâm Tư vấn Giảng dạy Quốc tế Singapore (SITC) tại Việt Nam vào tháng 2/2006. SITC mở hàng loạt trường đào tạo tiếng Anh trên khắp cả nước tại Việt Nam và khi toàn hệ thống bị đóng cửa, trên 30.000 học sinh và 1.000 giáo viên rơi vào tình thế nan giải bởi học sinh đã đóng học phí và giáo viên thì không được nhận lương. Ở giai đoạn đầu tiên khi thu hút các Viện đại học nước ngoài vào Việt Nam, những sai lầm như thế không nên để xảy ra. Theo đề xuất của bài báo, việc ra đời và đi vào hoạt động chi nhánh Viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT) từ năm 2000 nên được nghiên cứu kỹ như là một mô hình thành công mà các trường đại học nước ngoài khác khi tìm hiểu thị trường tại Việt Nam. Sinh viên Việt Nam nộp đơn xin nhập học vào 2 giảng đường lớn của RMIT tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội đang ngày một tăng. RMIT được Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp giấy phép hoạt động trong 50 năm và chương trình đào tạo tại Việt Nam chịu sự giám sát bởi Trung tâm Chất lượng Đào tạo Đại học Úc (AUQE), do RMIT Úc cấp bằng và được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (MOET) công nhận.

### **5. Đảm bảo chất lượng đào tạo tại các trường đại học Việt Nam**

Vấn đề thứ ba và là vấn đề mang tính then chốt nhất quyết định sự thành công GD - ĐH “xuyên biên giới” tại Việt Nam đó là đảm bảo chất lượng của các chương trình đào tạo. Bài học mà chúng ta cần tìm hiểu kỹ từ sự thành công của các trường đại học Úc cũng như sự thất bại xảy ra vào thời điểm có không ít trường đại học tư nhân

được thành lập tại Singapore. Như đã trình bày trước đây trong bài báo này, các trường đại học Úc phải luôn thủ nghiêm ngặt các quy định về đo lường và đánh giá chất lượng giáo dục. Tại Singapore, vào ngày 1/9/2005, Giấy chứng nhận tín nhiệm CASE được Hiệp hội Tiêu dùng Singapore (CASE) nghiên cứu và áp dụng vào lĩnh vực GD-ĐH, đã thực sự mang lại hiệu quả. Ngay sau khi áp dụng giấy chứng nhận CASE, trường đại học AIT, một trường đại học tư nhân nổi tiếng tại Singapore đưa ra các chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh, kỹ thuật điện tử, và quản lý khách sạn, v.v. đã phải đóng cửa. Nguyên nhân là vì trường đại học này không đáp ứng được các tiêu chuẩn được yêu cầu bởi của CASE Trust, Trung tâm bảo vệ quyền lợi sinh viên SPS và Bộ tiêu chuẩn chất lượng Singapore SQC. Sáu mươi tám trường đại học tư nhân khác tại Singapore cũng chịu sự sát hạch khắt khe của CASE. Nếu các trường đại học này không đáp ứng được các tiêu chuẩn của CASE, trường đó buộc phải chuyển toàn bộ sinh viên đang theo học tại trường mình sang học tại các trường khác, tiếp đến là tìm kiếm tài trợ để nâng cấp hệ thống đào tạo hoặc là phải đóng cửa. Phần lớn sinh viên đang học tại các trường đại học tư thục này là sinh viên quốc tế. Tuy nhiên, mặc dù hiện tượng này đã gây thiệt hại đến uy tín của các trường đại học tư thục tại Singapore vào thời điểm này, song vấn đề đã được giải quyết một cách nhanh chóng và hệ thống giáo dục lại được công nhận, ngay cả hệ thống giáo dục sẽ vận hành tốt hơn thông qua sự hướng dẫn và áp dụng các công cụ kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt. Nếu các trường đại học Việt Nam rơi vào tình trạng đó, thì nó sẽ là một thảm họa thực sự, khiến cho các chương trình GD-ĐH “xuyên biên giới” tại Việt Nam thất bại ngay tại giai đoạn đầu tiên. Lý do là vì Việt Nam đang thiếu các công cụ đo lường việc thực thi công tác đào tạo tại các trường đại học. Nếu sự thật này vẫn tiếp tục tiếp diễn tại Việt Nam trong vài năm tới thì viễn cảnh của các trường đại học Việt Nam là rất rõ ràng. Các trường đại học Việt Nam sẽ không thể thực hiện được các chương trình hợp tác với các trường đại học nước ngoài bởi sự nghèo nàn của hệ thống kiểm soát chất lượng đào tạo tại Việt Nam. Và hiển nhiên, thị phần GD-ĐH Việt Nam sẽ thuộc về các nhà cung cấp nước ngoài.

Do vậy, theo lập luận của bài báo này, các trường đại học Việt Nam nên cân nhắc kỹ khi thiết kế và áp dụng các tiêu chí khảo sát và đánh giá việc học tập của sinh viên, cán bộ và việc thực thi công tác đào tạo bậc đại học phải ở mức cao. **It is impossible to develop** “các chính sách hiệu quả mà không có một hiểu biết đúng đắn về **of which work and which do not**” (Hanushek & Wößmann, 2007: p.21). Bước đầu tiên là đầu tư vào phát triển mạnh một đội ngũ giáo sư và giảng viên đại học có chất lượng. Việc đầu tư này sẽ đảm bảo chất lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường được cải thiện

hơn là đầu tư vào hệ thống GD - ĐH Việt Nam. Vấn đề này đã được đề cập trong phần trước của bài báo.

## **6. Các chính sách sinh lời**

Hiển nhiên, Úc và Singapore đã và đang rất thành công khi định hướng theo quan điểm sinh lời của GD - ĐH “xuyên biên giới”. Tuy nhiên, định hướng này có phải là một giải pháp phi thực tế và rủi ro cho GD - ĐH Việt Nam hay không trong khi vẫn tồn tại những thiếu sót ngay trong chính hệ thống GD - ĐH? Hy vọng rằng, đây không phải là vấn đề nếu Việt Nam đầu tư vào chuyên ngành nghiên cứu Châu Á học và Đông Dương học, khiến cho hai lĩnh vực này trở thành thế mạnh quốc gia khi tuyển sinh sinh viên nước ngoài sang du học.

Thứ nhất, Việt Nam có thể sử dụng những lĩnh vực thuộc sở trường của mình và là trung tâm khu vực của ba nước thuộc Đông Dương cũ. Đông Dương thời Pháp thuộc (theo French *L'Indochine française*) là một phần thuộc địa của Pháp tại Đông Nam Á, bao gồm 4 vùng bị bảo hộ: Bắc Kỳ, Nam Kỳ (Việt Nam trước đó bị chia làm 2 vùng), Cam-pu-chia và Lào. Thủ phủ của Đông Dương là Hà Nội (Việt Nam) Từ những năm 1990, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành cấp học bổng cho nhiều sinh viên Lào và Cam-pu-chia sang học tập tại các trường đại học Việt Nam. Tuy nhiên, hình thức GD - ĐH “xuyên biên giới” này là dựa trên định hướng mối quan hệ thăm tình hữu nghị truyền thống, chỉ đơn giản là nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về tiếng Việt, về chính trị, xã hội và văn hóa. Bài báo đề xuất Việt Nam nên chọn ba trường đại học thí điểm tại miền Bắc, miền Trung và miền Nam để thực hiện nghiêm túc các chính sách đào tạo và chương trình đào tạo và tuyển du học sinh từ Lào và Cam-pu-chia. Học phí và chi phí ăn ở thấp, tương đồng văn hóa, điều kiện sống tốt hơn và chất lượng đào tạo tốt hơn chắc chắn sẽ thu hút một lượng lớn sinh viên từ các quốc gia này. Bước tiếp theo là xúc tiến và giới thiệu các ngành Đông Dương học đến sinh viên châu Á và Phương Tây - những sinh viên quan tâm tìm hiểu Việt Nam, Đông Dương, Thuộc địa Pháp, Chiến tranh Triều tiên, và các đề tài liên quan khác. Với kinh nghiệm và quan sát cá nhân trong suốt quá trình học tập và làm việc tại Singapore, Malaysia, Thái Lan, Úc và Nhật Bản, tôi hoàn toàn tin tưởng rằng ngành Đông Dương học sẽ thu hút nhiều sinh viên bởi có rất nhiều sinh viên quan tâm tới lĩnh vực này.

Chương trình thứ hai mà các trường đại học Việt Nam nên triển khai khi định hướng theo quan điểm giáo dục mang tính sinh lời thông qua GD - ĐH “xuyên biên giới” là dạy ngôn ngữ Châu Á, kinh nghiệm Châu Á và nghiên cứu vùng. Triển khai các khóa đào tạo tiếng Nhật, tiếng Thái, tiếng Trung và tiếng Hàn cùng với văn hóa của từng quốc

gia trong hầu hết các trường đại học ngoại ngữ. Con số sinh viên Việt Nam và sinh viên Châu Á theo học cả ngành này đang ngày một tăng cũng sẽ hấp dẫn các sinh viên phương Tây như các chương trình du học một năm ở nước ngoài, vừa học vừa tìm hiểu văn hóa Châu Á. Lập luận trong bài báo đưa ra rằng Việt Nam là quốc gia “châu Á” hơn các nước khác như Nhật, Hàn, Singapore và Malaysia, hững nước phần nào đã bị hiện đại hóa và Tây phương hóa. Hiển nhiên là, sinh viên phương Tây sẽ cảm nhận được một môi trường “châu Á” hơn nếu họ được học tập tại một thành phố của Việt Nam hơn là tại một thành phố hiện đại nào đó tại các quốc gia Châu Á phát triển, nơi mà mọi thứ trở nên quen thuộc với những gì họ có tại quê nhà. Bài báo thiết nghĩ chương trình đào tạo này được triển khai tại phố cổ Hội An (Quảng Nam) là hết sức phù hợp. Tuy nhiên, thành công của chương trình này còn phụ thuộc vào năng lực giảng dạy bằng tiếng Anh hiện nay tại các trường đại học Việt. Trong giai đoạn đầu tiên của quá trình thực hiện chương trình, các khóa học có thể được triển khai bởi các khoa nghiên cứu quốc tế hay ngoại ngữ nơi mà những giáo sư hay giảng viên đều có thể thực hiện bài giảng bằng tiếng Anh. Và một ngày nào đó, tiếng Anh nên là phương tiện truyền đạt kiến thức trong toàn hệ thống các trường đại học Việt Nam.

### **Kết luận**

Bài nghiên cứu này phân tích lý thuyết, các chính sách GD - ĐH xuyên biên giới của Úc và Singapore và việc vận dụng có chọn lọc những chính sách này trong việc hình thành và phát triển một chính sách GD - ĐH xuyên biên giới phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Cả hai nước Úc và Singapore đều rất thành công trong việc biến GD - ĐH xuyên biên giới thành một ngành công nghiệp thật sự đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế. Trong khi nước Úc rất nổi tiếng với các chính sách đảm bảo chất lượng GD - ĐH thì Singapore nổi tiếng với các chính sách phát triển nguồn nhân lực, tập trung vào việc thu hút các Đại Học đẳng cấp quốc tế xây dựng chi nhánh tại Singapore và các chính sách gửi sinh viên đi học ở các nước phát triển. Bài nghiên cứu lập luận rằng việc hiểu biết và vận dụng các chính sách giáo dục xuyên biên giới của hai nước này vào bối cảnh giáo dục của Việt Nam sẽ góp phần giải quyết nhiều vấn đề tồn đọng lâu dài liên quan đến việc phát triển số lượng và chất lượng giảng dạy Đại học trong nước.

Thêm vào đó, bài báo mong muốn giới thiệu một mô hình phát triển chính sách rõ ràng về GD - ĐH “xuyên biên giới” tại Việt Nam. Mô hình này dựa trên phân tích sâu sắc các chính sách GD - ĐH “xuyên biên giới” của Úc và Singapore, tìm hiểu các chính sách của các nước trong khu vực, cũng như các điều kiện và mục tiêu đặc thù hệ thống GD - ĐH Việt Nam. Mô hình này bao gồm bốn giai đoạn. Giai đoạn một, là gửi một số

lượng lớn sinh viên các giáo viên ra nước ngoài học tập. Giai đoạn hai, là phát triển điều kiện làm việc và điều kiện sống cho họ khi họ trở về. Giai đoạn ba, là trường trở thành một trung tâm của khu vực, mà trước hết là là khu vực gồm các nước Đông Dương và sau đó là các nước Đông Nam Á. Giai đoạn cuối cùng là phát triển các trường đại học trở thành những trung tâm ưu việt để thu hút sinh viên quốc tế. Theo mô hình này, hiển nhiên rằng Việt Nam đang nằm ở giai đoạn một. Trung Quốc phát triển lên giai đoạn hai rất nhanh. Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc hiện đang ở giai đoạn ba, giai đoạn đòi hỏi loại hình giảng dạy bằng tiếng Anh. Singapore, Úc và Hong Kong đang ở giai đoạn bốn. Một điều thú vị là thứ tự này cũng là thứ tự về phát triển kinh tế của các quốc gia nêu trên.

Tuy nhiên, Việt Nam có một chặng đường rất dài phía trước để có thể trở thành điểm đến cho các sinh viên trong khu vực. Do qui mô dân số và tỉ lệ tăng trưởng kinh tế rất nhanh hiện nay, Việt Nam được dự đoán sẽ là nền kinh tế thứ 20 trên thế giới vào năm 2050. Tuy nhiên, điều này sẽ chỉ là một giấc mơ nếu các chính sách cụ thể, ví dụ như các chính sách được kiến nghị trong bài nghiên cứu này không được hình thành và thực hiện kịp thời và nghiêm túc.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Benveniste, G. (1985). New Politics of GD-ĐH: Hidden and Complex. *GD-ĐH*. Vol. 14, No. 2 pp. 175-195.
- [2] Damme, D.V. (2001). Quality Issues in the Internationalisation of GD-ĐH. *GD-ĐH*. Vol. 41, No. 4, pp. 415-441.
- [3] Hanushek, E.A. & Wößmann, L. (2007). *Education Quality and Economic Growth*. The World Bank. Washington, DC.
- [4] Hawkins, J. N. & Cummings, W.K. (2000). *Transnational Competence: Rethinking the U.S.-Japan Educational Relationship*. State University of New York Press.
- [5] Homann, R.; Kühn, H. P; & Sinton, J. (1987). *The Future of GD-ĐH* Frankfurt am Main: Campus Verlag.
- [6] Li, Cheng. (2005). *Bridging Minds across the Pacific: U.S.-China Educational Exchanges, 1978-2003*. Lanham, Md: Lexington Books.
- [7] Mani, A. (2005). Creating Knowledge Based Economies in Southeast Asia. *The Ritsumeikan Economic Review*. Vol. 54. No 3.

- [8] Marginson, S. (2002). Nation-Building Các trường đại học in a Global Environment: The Case of Australia. *GD-ĐH*. Vol. 43, No. 3, pp. 409-428.
- [9] McBurnie, G. & Ziguras, C. (2001), The Regulation of Transnational GD-ĐH in Southeast Asia: Case Studies of Hong Kong, Malaysia and Australia. *GD-ĐH*. Vol. 42, No. 1, pp. 85-105.
- [10] Mok, K. H. (2000). Impact of Globalization: A Study of Quality Assurance Systems of GD-ĐH in Hong Kong and Singapore. *Comparative Education Review*. Vol. 44, No. 2, pp. 148-174.
- [11] Nguyen, V. T. (1999). The Problem of 1000 Việt Namese Scholars Overseas. *Vietscience* - 17/9/2007.
- [12] Oh, T.K. (1973). A New Estimate of the Student Chảy máu chất xám from Asia. *International Migration Review*. Vol. 7, No. 4, pp. 449-456.
- [13] OECD.(2007). “xuyên biên giới” *Tertiary Education - A Way Towards Capacity Development*. The World Bank, Washington, DC.
- [14] Rodrik, D. (1999). *The New Global Economy and Developing Countries: making openness work*. Johns Hopkins University Press.
- [15] Rodrik, D. (2003). *In search of Prosperity: Analytic Narratives on Economic Growth*. Princeton University Press.
- [16] Wagner, A. & Schnitzer, K. (1991). *Programmes and Policies for Foreign Students and Study Abroad: The Search for Effective Approaches in a New Global Setting*. *GD-ĐH*. Vol. 21, No. 3, pp. 275-288.

#### Websites:

<http://www.channelnewsasia.com/stories/singaporelocalnews/view/277897/1/.html>

<http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=97743&ChannelID=13>

<http://www.singaporeedu.gov.sg/htm/abo/abo0201.htm>

<http://www.studyinaustralia.gov.au/Sia/en/Home.htm>

<http://www.nus.edu.sg/registrar/sfau/UG.html>

<http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=50149&ChannelID=>

<http://www.Việt Namnet.vn/dhqt/2005/10/495863/>

<http://www.hanu.vn/Gioithieu/Li%C3%AAnk%E1%BA%BF%C4%90TNCKH/tabid/216/Default.aspx>

<http://www.hanu.vn/hanu/Duanlienket/tabid/68/Default.aspx>

<http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=188145&ChannelID=1>

3

<http://www.edu.net.vn/Data/ThongKe/index.htm>

<http://www.qdnd.vn/qdnd/baongay.xahoi.giaoduc.19248.qdnd>

[http://www.thoidai.org/ThoiDai9/200609\\_DeAnDaiHoc.htm](http://www.thoidai.org/ThoiDai9/200609_DeAnDaiHoc.htm)

<http://www.topcác trường đại học.com/register.php>